

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **1315** /UBND-KT
V/v công khai tình hình thực hiện
dự toán ngân sách nhà nước
3 tháng đầu năm 2021

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **29** tháng 4 năm 2021



Kính gửi:

- Sở Tài chính;
- Sở Thông tin và Truyền thông.

Thực hiện Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với cấp ngân sách; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Công văn số 9505/BTC-NSNN ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính về công khai ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước 2015;

Căn cứ báo cáo tình hình thực hiện thu – chi ngân sách Thành phố 3 tháng năm 2021 theo báo cáo của Sở Tài chính tại Công văn số 2207/STC-THTK&QLN ngày 20 tháng 4 năm 2021; Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo như sau:

1. Thống nhất công khai tình hình thực hiện thu – chi ngân sách Thành phố 3 tháng đầu năm 2021 (*đính kèm*)

2. Giao Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện công khai số liệu và thuyết minh ước thực hiện thu – chi ngân sách 3 tháng đầu năm 2021 trên Cổng thông tin điện tử của Sở Tài chính và Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố./.

Nơi nhận:

- Như trên, kèm Báo cáo;
- TTUB: CT, PCT/KT;
- VPUB: CVP, PCVP/KT;
- Phòng KT, TTTH;
- Lưu: VT, (KT/Cg). **6**



**KT, CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Thị Thắng



**PHỤ LỤC 1: BÁO CÁO THUYẾT MINH
TÌNH HÌNH ƯỚC THỰC HIỆN NGÂN SÁCH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

*(Đính kèm Công văn số 1315/UBND-KT ngày 29 tháng 4 năm 2021
của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2050/QĐ-BTC ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số 72/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân Thành phố về dự toán thu ngân sách nhà nước; thu, chi ngân sách Thành phố năm 2021;

Tình hình ước thực hiện thu – chi ngân sách thành phố 3 tháng đầu năm 2021 trên địa bàn thành phố như sau:

1. Kết quả thực hiện thu ngân sách nhà nước trên địa bàn:

Trong bối cảnh dịch COVID-19 còn diễn biến phức tạp khi đợt dịch mới bùng phát trong tháng 1/2021, nên ngay từ đầu năm, Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố đã lãnh đạo, chỉ đạo các sở, ban ngành, các địa phương cùng phối hợp với các cơ quan ngành tài chính nhằm đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước năm 2021 ở mức cao nhất. Việc triển khai kịp thời các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế và các khoản thu ngân sách, cơ cấu lại nợ, miễn, giảm, hạ lãi suất cho vay của Chính phủ đã hỗ trợ cho người nộp thuế khắc phục khó khăn, ổn định và phục hồi sản xuất kinh doanh trong những tháng cuối năm 2020 dẫn đến kết quả sản xuất kinh doanh có xu hướng tăng trưởng trong những tháng đầu năm 2021.

Kết quả thu ngân sách nhà nước ước thực hiện 3 tháng đầu năm 2021 như sau:

1.1. Tổng thu NSNN ước thực hiện là 104.072,428 tỷ đồng, đạt 28,52% dự toán và tăng 15,41% so cùng kỳ. Trong đó:

- **Thu nội địa:** ước thực hiện 73.558,645 tỷ đồng, đạt 29,62% dự toán, tăng 17,80% so cùng kỳ.

- **Thu từ dầu thô:** ước thực hiện 2.606,564 tỷ đồng, đạt 30,49% dự toán, bằng 63,25% so cùng kỳ.

- **Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu:** ước thực hiện 27.900 tỷ đồng, đạt 25,83% dự toán, tăng 18,27% so cùng kỳ.

1.2. Thu ngân sách địa phương: ước thực hiện 20.600,541 tỷ đồng, đạt 25,08% dự toán, bằng 93,66% so cùng kỳ.

2. Chi ngân sách địa phương:

Ước chi ngân sách địa phương 3 tháng đầu năm 2021 (không tính tạm ứng và chuyển giao giữa các cấp ngân sách) là **13.697,646 tỷ đồng**, đạt **14,12%** dự toán, tăng 4,18% so cùng kỳ. Trong đó:

- **Chi đầu tư phát triển: 3.585,744 tỷ đồng**, 9,36% dự toán, tăng 8,32% so cùng kỳ.

- **Chi thường xuyên: 8.365,037 tỷ đồng**, đạt 17,45% dự toán, tăng 4,85% so cùng kỳ.

Trên cơ sở Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố, Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về giao dự toán thu – chi ngân sách 2021, các quy định hiện hành, ngành tài chính thành phố đã thực hiện phân bổ trên hệ thống và thực hiện kiểm soát chi theo đúng định mức và dự toán được duyệt./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



**PHỤ LỤC 2: CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
3 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

(Đính kèm Công văn số 1515/UBND-KT ngày 29 tháng 4 năm 2021
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSDP (không kể GTGC, các khoản chuyển giao giữa các cấp NS)	91.560.859	20.600.541	22,50	98,78
1	Các khoản thu NSDP hưởng 100%	35.110.000	8.403.534	23,93	128,00
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %	40.377.960	10.963.635	27,15	110,87
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
4	Thu kết dư năm trước				
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang		560.271		76,83
6	Thu viện trợ				
7	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	8.693.145	665.882	7,66	18,25
8	Thu bổ sung từ nguồn cải cách tiền lương đưa vào cân đối chi thường xuyên	7.379.754			
9	Các khoản huy động, đóng góp		7.219		29,63
B	TỔNG CHI NSDP (không kể GTGC, các khoản chuyển giao giữa các cấp NS)	97.002.164	13.697.646	14,12	104,18
I	Chi cân đối NSDP	92.720.489	12.054.741	13,00	105,81
1	Chi đầu tư phát triển	38.289.156	3.585.744	9,36	108,32
2	Chi thường xuyên	47.925.000	8.365.037	17,45	104,85
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.424.200	103.960	7,30	98,95
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	11.400	0		
5	Dự phòng ngân sách	3.300.000	0		
6	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	2.273.730	0		
III	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	4.281.675	1.642.905	38,37	93,63
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP				
D	CHI TRẢ NỢ GÓC	1.153.100	110.848	9,61	107,22

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC 3: ƯỚC THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

(Đính kèm Công văn số 1315/UBND-KT ngày 29 tháng 4 năm 2021
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2021	ƯỚC THỰC HIỆN	SO SÁNH ƯỚC THỰC	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (không kể GTGC, các khoản chuyển giao giữa các cấp NS địa phương)	364.893.000	104.072.429	28,52	109,87
I	Thu nội địa	248.343.000	73.558.645	29,62	112,53
1	Thu từ khu vực DNNN	27.024.000	6.357.214	23,52	108,88
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	64.083.000	19.077.368	29,77	108,26
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	67.714.000	23.470.351	34,66	125,53
4	Thuế thu nhập cá nhân	40.000.000	13.247.221	33,12	98,74
5	Thuế bảo vệ môi trường	11.500.000	2.024.671	17,61	87,67
6	Lệ phí trước bạ	5.800.000	1.495.151	25,78	107,78
7	Các loại phí, lệ phí	4.926.000	1.530.382	31,07	97,27
8	Các khoản thu về nhà, đất	16.400.000	3.351.020	20,43	166,39
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	300.000	40.871	13,62	126,72
-	Thu tiền sử dụng đất	11.000.000	2.777.021	25,25	181,79
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	4.800.000	520.114	10,84	140,76
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	300.000	13.013	4,34	15,38
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản				
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	3.977.000	976.953	24,57	89,56
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	3.572.000	1.207.200	33,80	139,32
12	Thu từ quỹ đất công ích, thu hoa lợi công sản khác, thu từ bán tài sản nhà nước và thu khác	3.347.000	821.115	24,53	148,26
II	Thu từ dầu thô	8.550.000	2.606.564	30,49	60,21
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	108.000.000	27.900.000	25,83	111,60
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	34.600.000	8.226.143	23,77	49,59
2	Thuế XNK, thuế TTĐB hàng hóa nhập khẩu	73.400.000	19.560.376	26,65	235,51

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2021	ƯỚC THỰC HIỆN	SO SÁNH ƯỚC THỰC	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
3	Thu khác		113.481		107,82
IV	Thu viện trợ				
V	Các khoản huy động, đóng góp		7.219		29,63
B	THU NSDP (không kể GTGC, các khoản chuyển giao giữa các cấp NS địa phương)	91.560.859	20.600.541	22,50	98,78
1	Thu NSDP theo phân cấp:	75.487.960	19.367.169	25,66	117,71
	- Từ các khoản thu phân chia	40.377.960	10.963.635	27,15	110,87
	- Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	35.110.000	8.403.534	23,93	128,00
2	Thu chuyển nguồn từ năm trước sang		560.271		76,83
3	Thu viện trợ				
4	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	8.693.145	665.882	7,66	18,25
5	Thu bổ sung từ nguồn cải cách tiền lương đưa vào cân đối chi thường xuyên	7.379.754			
6	Các khoản huy động, đóng góp		7.219		29,63

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



**PHỤ LỤC 4: ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG
3 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

(Đính kèm Công văn số 1315/UBND-KT ngày 29 tháng 4 năm 2021
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP (không kể GTGC, các khoản chuyển giao giữa các cấp NS)	97.002.164	13.697.646	14,12	104,18
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	92.720.489	12.054.741	13,00	105,81
I	Chi đầu tư phát triển	38.289.156	3.585.744	9,36	108,32
1	Chi đầu tư cho các dự án		3.572.666		141,89
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật		9.500		1,22
3	Chi đầu tư phát triển khác		3.578		26,66
III	Chi thường xuyên	47.925.000	8.365.037	17,45	104,85
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	17.171.547	2.349.435	13,68	97,37
2	Chi khoa học và công nghệ	1.026.679	400.783	39,04	100,20
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	3.094.210	337.591	10,91	99,43
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	589.344	67.452	11,45	80,43
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	76.155	11.110	14,59	99,70
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	639.671	53.071	8,30	109,72
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	4.091.372	846.015	20,68	115,68
8	Chi sự nghiệp kinh tế	7.943.265	1.151.087	14,49	149,73
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	8.018.969	1.657.567	20,67	100,06
10	Chi bảo đảm xã hội	2.984.728	1.058.254	35,46	99,34
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.424.200	103.960	7,30	98,95
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	11.400		-	
V	Dự phòng ngân sách	3.300.000		-	
VI	Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương	2.273.730		-	

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC THỰC HIỆN	SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	4.281.675	1.642.905	38,37	93,63
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	0	0		
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	3.827.683	1.642.893	42,92	101,60
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	453.992	12		0,01

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ